

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**XÃ ĐỨC CƠ** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/NQ - HĐND

Đức Cơ, ngày 19 tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐỨC CƠ**  
**KHOÁ I - KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính-ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;*

*Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026-2030 tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 100/TTr-UBND, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 06/BC-KTNS ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026, như sau:

**I. THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN: 59.605,0 triệu đồng. Trong đó:**

**1. Thu ngân sách Trung ương, Tỉnh hưởng: 16.203,0 triệu đồng**

- Thu ngân sách trung ương hưởng: 4.950,0 triệu đồng

- Thu ngân sách tỉnh hưởng: 11.253,0 triệu đồng

**2. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp: 43.402,0 triệu đồng.**

Thu ngân sách xã hưởng: 43.402,0 triệu đồng

**3. Thu bổ sung từ cấp trên: 140.738,0 triệu đồng**

- Bổ sung cân đối: 114.006,0 triệu đồng

- Bổ sung có mục tiêu: 26.732,0 triệu đồng

**II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ : 184.140,0 triệu đồng**

**1. Chi đầu tư phát triển: 31.106,0 triệu đồng**

+ Chi đầu tư nguồn vốn trong nước tỉnh phân cấp: 3.056,0 triệu đồng

+ Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 28.050,0 triệu đồng

**2. Chi thường xuyên: 121.091,0 triệu đồng**

**3. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.063,0 triệu đồng**

**4. Dự phòng ngân sách: 3.148,0 triệu đồng**

**5. Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ 26.732,0 triệu đồng**

(Cụ thể kèm theo các biểu mẫu 15, 16, 17)

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này và quyết định giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách xã năm 2026 theo đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã khoá I, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể xã;
- Các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND xã;
- Lưu: VT - VP.



**Phạm Văn Cường**



**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HDND ngày 19/12/2025 của HDND xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>81.524,40</b>	<b>187.209,59</b>	<b>184.140,00</b>	<b>-3069,59</b>	<b>98,36</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>10.779,20</b>	<b>7.935,61</b>	<b>43.402,00</b>	<b>35.466,39</b>	<b>546,93</b>
-	Thu NSDP hưởng 100%	83,00	164,26	1.595,00	1.430,74	971,02
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	10.696,20	7.771,35	41.807,00	34.035,65	537,96
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>70.745,20</b>	<b>174.936,59</b>	<b>140.738,00</b>	<b>- 34.198,59</b>	<b>80,45</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	12.048,00	12.048,00	114.006,00	101.958,00	946,26
2	Thu bổ sung có mục tiêu	58.697,20	162.888,59	26.732,00	- 136.156,59	16,41
<b>III</b>	<b>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>	<b>-</b>	<b>393,10</b>	<b>-</b>	<b>- 393,10</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>	<b>-</b>	<b>3.944,29</b>	<b>-</b>	<b>- 3.944,29</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>81.524,40</b>	<b>177.626,84</b>	<b>184.140,00</b>	<b>6.513,16</b>	<b>103,67</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>81.391,40</b>	<b>177.493,84</b>	<b>157.408,00</b>	<b>- 20.085,84</b>	<b>88,68</b>
1	Chi đầu tư phát triển	5.567,20	25.403,47	31.106,00	5.702,53	122,45
2	Chi thường xuyên	75.106,00	151.708,37	121.091,00	- 30.617,37	79,82
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-	-	-	-
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	-	-	-
5	Dự phòng ngân sách	382,00	382,00	3.148,00	2.766,00	824,08
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	336,20	-	2.063,00	2.063,00	-
7	Chi quản lý qua ngân sách	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu</b>	<b>133,00</b>	<b>133,00</b>	<b>26.732,00</b>	<b>26.599,00</b>	<b>20.099,25</b>
<b>1</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>130,00</b>	<b>130,00</b>	<b>-</b>	<b>- 130,00</b>	<b>-</b>
-	Chi chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	130,00	130,00	-	- 130,00	-
<b>2</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>3,00</b>	<b>3,00</b>	<b>26.732,00</b>	<b>26.729,00</b>	<b>891.066,67</b>
-	Kinh phí tăng cường bảo vệ rừng cấp xã	3,00	3,00	-	- 3,00	-
-	Kinh phí tính bổ sung có mục tiêu	-	-	26.732,00	26.732,00	-
<b>III</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSDP	Tổng thu NSNN
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>79.983,0</b>	<b>7.935,6</b>	<b>59.605,0</b>	<b>43.402,0</b>	<b>74,5</b>	<b>5,5</b>
	<b>Thu nội địa</b>	<b>79.983,0</b>	<b>7.935,6</b>	<b>59.605,0</b>	<b>43.402,0</b>	<b>74,5</b>	<b>5,5</b>
<b>1</b>	<b>Thu từ khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh</b>	<b>16.852,1</b>	<b>1.337,1</b>	<b>17.510,0</b>	<b>12.257,0</b>	<b>103,9</b>	<b>9,2</b>
-	Thuế Giá trị gia tăng	15.433,6	1.258,9	16.820,0	11.774,0	109,0	9,4
-	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	503,7	-	690,0	483,0	-	-
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	136,5	2,1	-	-	-	-
-	Thuế Tài nguyên	63,8	-	-	-	-	-
-	Thu khác	714,5	76,1	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Lệ phí trước bạ</b>	<b>9.607,2</b>	<b>1.192,6</b>	<b>7.500,0</b>	<b>1.500,0</b>	<b>78,1</b>	<b>1,3</b>
<b>3</b>	<b>Thuế nhà đất, thuế đất phi nông nghiệp</b>			<b>20,0</b>	<b>20,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>4</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>7.289,6</b>	<b>4.167,3</b>	<b>1.350,0</b>	<b>1.350,0</b>	<b>18,5</b>	<b>0,3</b>
<b>5</b>	<b>Tiền sử dụng đất</b>	<b>45.159,7</b>	<b>749,7</b>	<b>33.000,0</b>	<b>28.050,0</b>	<b>73,1</b>	<b>37,4</b>
<b>6</b>	<b>Phí và lệ phí</b>	<b>500,7</b>	<b>280,3</b>	<b>144,0</b>	<b>144,0</b>	<b>28,8</b>	<b>0,5</b>
<b>7</b>	<b>Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>81,0</b>	<b>81,0</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>8</b>	<b>Thu khác và phạt các loại</b>	<b>573,8</b>	<b>208,5</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
-	Trong đó:			<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Thu khác và phạt các loại do cơ quan Thuế xử lý	573,8	208,5	-	-	-	-

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**  
(Kèm theo Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 19/12/2025 của HĐND xã Đức Cơ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	So sánh
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>81.524,4</b>	<b>184.140,0</b>	<b>102.615,6</b>	<b>225,9</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>81.391,4</b>	<b>157.408,0</b>	<b>76.016,6</b>	<b>193,4</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>5.567,2</b>	<b>31.106,0</b>	<b>25.538,8</b>	<b>558,7</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.567,2	31.106,0	22.482,8	558,7
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-	-
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-	-
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư nguồn vốn trong nước	-	3.056,0		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.567,2	28.050,0	22.482,8	503,8
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-		
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>75.106,0</b>	<b>121.091,0</b>	<b>45.985,0</b>	<b>161,2</b>
	Trong đó:			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	43.216,0	88.410,0	45.194,0	204,6
2	Chi khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-	150,0	150,0	-
<b>III</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>				

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
				Tuyệt đối	So sánh
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	382,0	3.148,0	2.766,0	824,1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	336,2	2.063,0		
VII	Chi quản lý qua ngân sách				
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>133,0</b>	<b>26.732,0</b>		
<b>I</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu quốc gia</b>	<b>130,0</b>	<b>-</b>		
3	Chi chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	130,0	-		
<b>II</b>	<b>Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ</b>	<b>3,0</b>	<b>26.732,0</b>		
1	Kinh phí tăng cường bảo vệ rừng cấp xã	3,0	-		
2	Kinh phí tính bổ sung có mục tiêu	-	26.732,0		
<b>C</b>	<b>CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU</b>				